

Số: 1175/QĐ-ĐHCNVT

Phủ Thọ, ngày 26 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

V/v Ban hành Chương trình đào tạo
ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc (7220210) trình độ đại học

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP VIỆT TRÌ

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Thông tư số 12/2024/TT-BGDĐT ngày 10/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Thông tư số 01/2024/TT-BGDĐT ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành chuẩn cơ sở giáo dục Đại học;

Căn cứ Nghị quyết số 05/NQ-HĐT ngày 01/4/2025 của Hội đồng trường Ban hành Quy chế về Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Công nghiệp Việt Trì;

Căn cứ Quyết định số 258/QĐ-ĐHCNVT ngày 04/6/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Việt Trì về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học Trường Đại học Công nghiệp Việt Trì; Quyết định số 469/QĐ-ĐHCNVT ngày 09/8/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo trình độ đại học Trường Đại học Công nghiệp Việt Trì ban hành kèm theo Quyết định số 258/QĐ-ĐHCNVT ngày 04/6/2021 của Hiệu trưởng trường Đại học Công nghiệp Việt Trì;

Căn cứ kết luận của Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc, họp ngày 22/12/2025;

Căn cứ kết luận của Hội đồng Khoa học và Đào tạo, họp ngày 25/12/2025;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Đào tạo, Trưởng khoa Ngoại ngữ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc - Mã ngành 7220210.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Ông (Bà) Trưởng phòng: Quản lý Đào tạo, Tổ chức - Hành chính, Tài chính - Kế toán; Trưởng khoa Ngoại ngữ; Các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *TS. Vũ Đức Bình*

Nơi nhận:

- Hiệu trưởng, Chủ tịch HĐQT;
- Các Phó Hiệu trưởng;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, QLĐT (2).



TS. Vũ Đức Bình



CHƯƠNG TRÌNH KHUNG NGÀNH NGÔN NGỮ HÀN QUỐC
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC - MÃ NGÀNH: 7220210

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1175/QĐ-ĐHCNVТ, ngày 26 tháng 12 năm 2025)

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Số tiết tiêu chuẩn			
				Lý thuyết	Thảo luận	Thực hành	Tự học
1. Phần kiến thức giáo dục đại cương: 24 tín chỉ							
1.1		Bắt buộc	19				
1	26CT70013	Triết học Mác – Lênin	3	36	18	0	96
2	26CT70022	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	24	12	0	64
3	26CT70032	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	24	12	0	64
4	26CT70042	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	24	12	0	64
5	26CT70052	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	24	12	0	64
6	26TT71532	Tin học đại cương	2	12	6	30	64
7	26NN70032	Dẫn luận ngôn ngữ	2	24	12	0	64
8	26KT70412	Kỹ năng mềm 1	2	24	12	0	64
9	26KT70012	Pháp luật đại cương	2	24	12	0	64
1.2		Tự chọn 2TC trong số 8 TC	2/8				
10	26KT70072	Tâm lí học đại cương	2	24	12	0	64
11	26KT70062	Quản trị doanh nghiệp	2	24	12	0	64
12	26KT70092	Văn hóa kinh doanh	2	24	12	0	64
13	26KT70382	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	24	12	0	64
1.3		Ngoại ngữ (chọn 3 trong 6 TC)	3/6				
14	26NN70483	Tiếng Trung Quốc	3	36	18	0	96
1.4		Giáo dục thể chất	3				
15	26CB70641	Giáo dục thể chất 1	1	0	0	30	20
16	26CB70651	Giáo dục thể chất 2	1	0	0	30	20
17	26CB70661	Giáo dục thể chất 3	1	0	0	30	20
1.5		Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8				
2.1. Kiến thức cơ sở ngành: tối thiểu 15 tín chỉ							
2.1.1		Bắt buộc	7				
18	26NN70872	Nhập môn tiếng Hàn Quốc	2	24	12	0	64
19	26NN70883	Phát âm tiếng Hàn Quốc	3	24	12	30	84

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Số tiết tiêu chuẩn			
				Lý thuyết	Thảo luận	Thực hành	Tự học
20	26NN70892	Kính ngữ trong tiếng Hàn Quốc	2	24	12	0	64
2.1.2		Tự chọn 8 TC trong tổng số 14 TC	8/14				
21	26NN70902	Ngôn ngữ và văn hóa đời sống Hàn Quốc	2	24	12	0	64
22	26NN70912	Ngôn ngữ học đối chiếu	2	24	12	0	64
23	26NN70062	Văn hóa các nước Đông Nam Á	2	24	12	0	64
24	26NN70822	Tiếng Việt thực hành	2	24	12	0	64
25	26NN70922	Dẫn luận Hàn ngữ học	2	24	12	0	64
26	26NN70932	Xã hội học ngôn ngữ	2	24	12	0	64
27	26NN70942	Hán ngữ trong tiếng Hàn Quốc	2	24	12	0	64
28	26NN71292	Văn hóa doanh nghiệp Hàn Quốc	2	24	12	0	64
2.2. Kiến thức ngành: 67 tín chỉ							
2.2.1		Bắt buộc	59				
29	26NN70953	Ngữ pháp tiếng Hàn Quốc 1	3	24	12	30	84
30	26NN70962	Nghe – đọc tiếng Hàn Quốc 1	2	12	6	30	52
31	26NN70972	Nói - viết tiếng Hàn Quốc 1	2	12	6	30	52
32	26NN70983	Ngữ pháp tiếng Hàn Quốc 2	3	24	12	30	84
33	26NN70992	Nghe – đọc tiếng Hàn Quốc 2	2	12	6	30	52
34	26NN71002	Nói - viết tiếng Hàn Quốc 2	2	12	6	30	52
35	26NN71013	Ngữ pháp tiếng Hàn Quốc 3	3	24	12	30	84
36	26NN71022	Nghe – đọc tiếng Hàn Quốc 3	2	12	6	30	52
37	26NN71032	Nói - viết tiếng Hàn Quốc 3	2	12	6	30	52
38	26NN71043	Ngữ pháp tiếng Hàn Quốc 4	3	24	12	30	84
39	26NN71052	Nghe – đọc tiếng Hàn Quốc 4	2	12	6	30	52
40	26NN71062	Nói - viết tiếng Hàn Quốc 4	2	12	6	30	52
41	26NN71073	Ngữ pháp tiếng Hàn Quốc 5	3	24	12	30	84
42	26NN71082	Nghe – đọc tiếng Hàn Quốc 5	2	12	6	30	52

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Số tiết tiêu chuẩn			
				Lý thuyết	Thảo luận	Thực hành	Tự học
43	26NN71092	Nói - viết tiếng Hàn Quốc 5	2	12	6	30	52
44	26NN71103	Ngữ pháp tiếng Hàn Quốc 6	3	24	12	30	84
45	26NN71112	Nghe – đọc tiếng Hàn Quốc 6	2	12	6	30	52
46	26NN71122	Nói - viết tiếng Hàn Quốc 6	2	12	6	30	52
47	26NN71133	Biên phiên dịch tiếng Hàn Quốc 1	3	24	12	30	84
48	26NN71143	Biên phiên dịch tiếng Hàn Quốc 2	3	24	12	30	84
49	26NN71153	Tiếng Hàn Quốc thương mại	3	24	12	30	84
50	26NN71163	Tiếng Hàn Quốc du lịch	3	24	12	30	84
51	26NN71173	Tiếng Hàn Quốc kỹ thuật	3	24	12	30	84
52	26NN71182	Thực hành tiếng	2	12	6	30	52
2.2.2		Tự chọn 8 TC trong tổng số 16 TC	8/16				
53	26NN71192	Văn hóa Hàn Quốc	2	24	12	0	64
54	26NN71202	Đọc hiểu văn hóa- xã hội Hàn Quốc	2	24	12	0	64
55	26NN70862	Tiếng Hàn Quốc nâng cao	2	24	12	0	64
56	26NN71212	Phát biểu và thảo luận tiếng Hàn Quốc	2	24	12	0	64
57	26NN71222	Lịch sử văn học Hàn Quốc	2	24	12	0	64
58	26NN71232	Lịch sử Hàn Quốc	2	24	12	0	64
59	26NN71242	Tiếng Hàn Quốc qua phim ảnh	2	24	12	0	64
60	26NN71252	Tìm hiểu về kinh tế- chính trị Hàn Quốc	2	24	12	0	64
61	26NN71262	Đất nước học Hàn Quốc	2	24	12	0	64
2.3	26NN71278	Thực tập tốt nghiệp	8				
2.4	26NN71288	Khóa luận hoặc tương đương	8				
Tổng (Không bao gồm GDTC, QP-AN)			122				